| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 456 /2023/DS-PT
Ngày: 15 - 9 - 2023
"V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm* "

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tặng.

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm

Bà Kiều Kim Xuân

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:*** Ông Đỗ Trung Đến – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 10/4/2023 và ngày 15/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2023, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm*";

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2022/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 181/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hồng N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà N: Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1977. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 15/9/2020.

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Võ Thị X, sinh năm 1954.

2.2. Ông Cổ Văn H, sinh năm 1939.

Địa chỉ: Khóm D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chổ ở hiện nay: Khóm B, thị trấn T, huyện T, Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phùng Thị Đ, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà Đ: Ông Nguyễn Tý H1, sinh năm 1990. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 07/4/2023.

Địa chỉ: Số B, quôc lộ C, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Võ Thị X, ông Cổ Văn H là bị đơn; Bà Phùng Thị Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ông T1, ông H1, bà X có mặt tại phiên tòa. Ông H vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N, người đại diện hợp pháp của bà N là ông Nguyễn Phước T trình bày:***

Vào ngày 19/8/2020 (dương lịch), bà N có cho bà X vay số tiền là 1.100.000.000 đồng để giải quyết chuyện gia đình, hẹn trong thời hạn 5 ngày bà X sẽ hoàn trả lại cho bà N số tiền trên, vì chổ quen biết nên bà N đã cho bà X mượn. Khi cho vay tiền bà X có thế chấp cho bà N 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm:

+ Thửa đất số: 79, tờ bản đố số 85, diện tích 196,1m$^2$, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CU 531913, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS06851 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 16/01/2020, do bà Võ Thị X đứng tên.

+ Thửa đất 1003, diện tích 7.019m$^2$, thửa 924, diện tích 9.922m$^2$ cùng tờ bản đố số 5, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa K 942212, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 1124 QSDĐ/A3, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 14/3/1998 do ông Cổ Văn H đứng tên.

Bà X cam kết, nếu đến hạn trả nợ mà bà X không trả lại cho chị N số tiền trên thì bà N được phép chuyển quyền sử dụng đất thế chấp  cho chị N đứng tên.

Sau khi đến hẹn bà N yêu cầu bà X trả lại số tiền nhưng đến nay bà X vẫn không trả.

Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà X và ông H có trách nhiệm liên đới trả cho bà N số tiền vay còn thiếu 1.100.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi với

mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 25/8/2020 (dương lịch) cho đến khi giải quyết xong vụ kiện và yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Thửa đất số: 79, tờ bản đố số 85, diện tích 196,1m$^2$, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CU 531913, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS06851 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 16/01/2020, do bà Võ Thị X đứng tên và thửa đất 1003, diện tích 7.019m$^2$, thửa 924, diện tích 9.922m$^2$ cùng tờ bản đố số 5, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa K 942212, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 1124 QSDĐ/A3, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 14/3/1998 do ông Cổ Văn H đứng tên.

Chị N không có yêu cầu chị Đ liên đới cùng bà X trả nợ cho chị N.

***- Bi đơn bà Võ Thị X và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Võ Thị X, ông Cổ Văn H trình bày tại phiên tòa sơ thẩm:***

Về biên nhận ngày 19/8/2020 (dương lịch) thì bà X không thừa nhận có ký tên nhưng kết luận giám định là chữ ký của bà X thì bà Xuân c, không có ý kiến gì nhưng thực tế thì khi bà N đưa tiền 1.100.000.000 đồng là đưa cho bà Đ nhận, Bà Đ nhận xong của bà N thì bà Đ trả cho bà X số tiền 1.100.000.000 đồng, trong số tiền bà Đ thiếu nợ bà X 1.700.000.000 đồng. Ông H không có ký tên và cũng không biết nên ông H không có trách nhiệm liên đới.

Đối với yêu cầu của bà N về việc yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Thửa đất số: 79, tờ bản đố số 85, diện tích 196,1m$^2$, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CU 531913, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS06851 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 16/01/2020, do bà Võ Thị X đứng tên và thửa đất 1003, diện tích 7.019m$^2$, thửa 924, diện tích 9.922m$^2$ cùng tờ bản đố số 5, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa K 942212, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 1124 QSDĐ/A3, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 14/3/1998 do ông Cổ Văn H đứng tên thì thực tế bà X đưa bà Đ mượn 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên và theo biên nhận hợp đồng thế chấp không đăng ký đúng theo quy định của pháp luật nên đề nghị xem xét vô hiệu hợp đồng thế chấp.

Về trách nhiệm liên đới, vì bà N không yêu cầu bà Đ liên đới cùng bà X trả số tiền gốc 1.100.000.000 đồng và lãi, nên bà X yêu cầu bà Đ phải thực hiện trách nhiệm liên đới, bà X yêu cầu bà Đ trả 50% của số tiền gốc là 1.100.00.000 đồng, cụ thể yêu cầu số tiền 550.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi tính lãi từ ngày 25/8/2020 (dương lịch) đến khi giải quyết xong vụ kiện vì trách nhiệm liên đới của bà Đ đã viết thể hiện tại biên nhận nợ của bà N, cụ thể số tiền 550.000.000đ x 0,83%/tháng (tính từ ngày 25/8/2020 (dương lịch) đến 09/12/2022 (dương lịch) là

27 tháng 14 ngày, cụ thể 550.000.000đ x 0,83%/tháng x 27 tháng 14 ngày x = 125.385.000đ.

Nay bà X và ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N và bà Đ có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Thửa đất số: 79, tờ bản đố số 85, diện tích 196,1m$^2$, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CU 531913, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS06851 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 16/01/2020, do bà Võ Thị X đứng tên và thửa đất 1003, diện tích 7.019m$^2$, thửa 924, diện tích 9.922m$^2$ cùng tờ bản đố số 5, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa K 942212, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 1124 QSDĐ/A3, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 14/3/1998 do ông Cổ Văn H đứng tên.

Bà X yêu cầu bà Đ có trách nhiệm trả số tiền còn nợ là 1.150.000.000 đồng (trong số tiền 1.700.000.000đ) và yêu cầu tính lãi từ ngày 09/4/2019 (dương lịch) đến ngày 09/12/2022 theo lãi suất là 0,83%/tháng, số tiền là 419.980.000 đồng, tổng cộng 1.569.980.000 đồng. Khi cho vay thì bà Đ có ký biên nhận 1.700.000.000 đồng nhưng bà Đ mượn lại biên nhận, không còn giữ biên nhận. Chứng cứ duy nhất để chứng minh bà Đ vay tiền của bà X là người làm chứng ông Nguyễn Văn Â, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Tạm trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Đối với Kết luận giám định số: 1625/KL-KTHS ngày 21/3/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thì bà không có ý hay yêu cầu gì.

Bà X rút lại không yêu cầu bà N và bà Đ bồi thường thiệt hại về danh dự, nhâm phẩm, tinh thần số tiền là 14.900.000 đồng (Mười bốn triệu, chín trăm nghìn đồng).

***- Bị đơn ông Cổ Văn H, người đai diện hợp pháp của ông H là bà Võ Thị X không trình bày bổ sung gì thêm.***

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị Đ trình bày:***

Bà Đ không đồng ý theo yêu cầu của bà Võ Thị X. Việc bà N cho bà X vay mượn tiền không liên quan gì đến bà Đ.

Đối với yêu cầu của bà X về việc yêu cầu bà Đ có trách nhiệm trả số tiền còn nợ là 1.150.000.000 đồng và tiền lãi 419.980.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 1.569.980.000 đồng thì bà Đ không thống nhất theo yêu cầu của bà X vì bà Đ cho rằng không có vay nợ của bà X.

Đối với yêu cầu của bà X yêu cầu bà Đ phải thực hiện nghĩa vụ liên đới với bà X về việc trả tiền cho bà N. Cụ thể bà X yêu cầu bà Đ trả cho bà X số tiền 550.000.000 đồng theo biên nhận ngày 19/8/2020 (dương lịch) và yêu cầu tính lãi từ ngày 25/8/2020 (dương lịch) cho đến khi giải quyết xong vụ kiện theo mức lãi

suất 0,83%/tháng thì bà Đ không đồng ý vì việc bà X vay tiền của bà N, bà Đ chỉ là người giới thiệu, mặc dù biên nhận bà X vay tiền có chữ ký của bà Đ là do bà N yêu cầu bà Đ ký để làm tin và có trách nhiệm đôn đốc, nhắc nhở bà X trả nợ cho bà N khi đến hạn trả nợ chứ không có vay tiền của bà N. Bà X là người vay tiền, trực tiếp nhận tiền và có thế chấp tài sản cho bà N và bà X cũng thừa nhận bà đã sử dụng số tiền đó, bà Đ không có liên quan trong vụ việc bà N yêu cầu bà X trả nợ theo biên nhận ngày 19/8/2020 (dương lịch) bà Đ chỉ là người giới thiệu và là người làm chứng trong việc vay tiền giữa bà N và bà X nên bà Đ không đồng ý theo yêu cầu của bà X.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2022/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Thị Hồng N đối với bà Võ Thị X và ông Cổ Văn H.

- Buộc bà Võ Thị X và ông Cổ Văn H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Hồng N số tiền gốc còn thiếu là 1.100.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm triệu đồng) và tiền lãi là 250.770.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 1.350.770.000 đồng (Một tỷ, ba trăm năm mươi triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thể hiện tại biên nhận nhận ngày 19/8/2020 (dương lịch) về việc thế chấp 02 (Hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Buộc bà Lê Thị Hồng N có nghĩa vụ trả lại cho bà Võ Thị X và ông Cổ Văn H 02 (Hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Thửa đất số: 79, tờ bản đố số 85, diện tích 196,1m$^2$, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CU 531913, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS06851 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 16/01/2020, do bà Võ Thị X đứng tên và thửa đất 1003, diện tích 7.019m$^2$, thửa 924, diện tích 9.922m$^2$ cùng tờ bản đố số 5, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa K 942212, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 1124 QSDĐ/A3, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 14/3/1998 do ông Cổ Văn H đứng tên.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị X về việc yêu cầu bà Phùng Thị Đ phải thực hiện nghĩa vụ liên đới.

Buộc bà Phùng Thị Đ có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị X số tiền gốc là 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu) và tiền lãi là 125.385.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 675.385.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị X khởi kiện yêu cầu bà Phùng Thị Đ có trách nhiệm trả cho bà X số tiền vay 1.150.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi 419.980.000 đồng (Bốn trăm mười chín triệu đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 1.569.980.000 đồng (Một tỷ, năm trăm sáu mươi chín triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng).

4. Đình chỉ yêu cầu của bà Võ Thị X về việc yêu cầu bà Lê Thị Hồng N, bà Phùng Thị Đ bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần do danh dự, nhân phẩm bị xúc phạm số tiền 14.900.000 đồng (Mười bốn triệu, chín trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21 tháng 12 năm 2022, các bị đơn bà Võ Thị X, ông Cổ Văn H và ngày 23 tháng 12 năm 2022, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị Đ không đồng ý có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị đơn bà Võ Thị X, ông Cổ Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đồng thời, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của bà X, ông H và bà Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà X, ông H và người đại diện hợp pháp của bà Đ xác định kháng cáo như sau:

- Bà X kháng cáo yêu cầu chị Đ trả cho bà X 1.150.000.000 đồng và lãi.

- Ông H không đồng ý liên đới trả cho chị N 1.100.000.000 đồng.

- Chị Đ không đồng ý trả cho bà X số tiền 550.000.000 đồng và lãi.

[3] Xét thấy, ngày 19/8/2020dl, bà N có cho bà X vay số tiền 1.100.000.000 đồng, khi vay bà X có ký tên vào biên nhận và có thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà X và ông H đứng tên. Bà X không thừa nhận chữ ký trên giấy biên nhận là của bà X.

[4] Tuy nhiên, bà X thừa nhận có nhận số tiền 1.100.000.000 đồng, nhưng bà X cho rằng bà Đ (là con nuôi) có nợ của bà X 1.700.000.000 đồng, không tiền trả, nên có cho bà Đ mượn 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp cho bà N để vay số tiền 1.100.000.000 đồng, bà N đưa tiền cho bà Đ nhận 1.100.000.000 đồng, bà Đ trả cho bà X 1.100.000.000 đồng, còn nợ bà X 600.000.000 đồng. Bà N và bà Đ không thừa nhận là bà N cho bà Đ vay mà bà X là người trực tiếp nhận tiền vay 1.100.000.000 đồng từ bà N đưa.

[5] Theo Kết luận Giám định số 1652/KL-KTHS ngày 21/3/2022 của Phân viện Khoa học hình sự thành phố H xác định chữ ký "Xuân" trên tờ biên nhận ngày 19/8/2020 dl với các chữ ký mẫu so sánh là do cùng một người ký ra. Án sơ thẩm xử, buộc bà X trả cho bà N số tiền 1.100.000.000 đồng và lãi. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà X tiếp tục yêu cầu V-Bộ C1 giám định biên nhận ngày 19/8/2020 dl. Theo Kết luận giám định số 137/KL-KTHS ngày 05/7/2023 của V - Bộ C1 đều xác định chữ ký "Xuân" trên tờ biên nhận ngày 19/8/2020 dl với các chữ ký mẫu so sánh là do cùng một người ký ra. Án sơ thẩm xử, buộc bà X trả cho bà N số tiền 1.100.000.000 đồng và lãi là có căn cứ.

[6] Về kháng cáo của bà X yêu cầu bà Đ trả 1.150.000.000 đồng. Xét thấy, bà X cho rằng có cho bà Đ mượn 1,7 tỷ đồng có viết biên nhận, do bà Đ không có khả năng trả nợ, nên ngày 19/8/2020 bà Đ mượn 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà X và ông H thế chấp vay tiền và cho bà Đ mượn lại biên nhận nợ số tiền 1,7 tỷ đồng có ông Nguyễn Văn Â chứng kiến. Tuy nhiên, theo tờ tường trình ngày 11/5/2022 ông Â trình bày: "Ngày 19/8/22020, tôi có đến nhà chị X, anh H để giao dịch mua bán đất, nên tôi được thấy chị X và Đ nói chuyện về tiền bạc, được biết Đ có thiếu chị X 1,7 tỷ đồng và thấy biên nhận mà Đ ký nhận tiền vay mượn của chị X gì đó…Đến khoản 14 giờ 00, Đ có đem trả đỡ cho chị X 1,1 tỷ. Còn nợ 600.000.000 đồng và hứa với chị X khoản 05 ngày sau Đ chuộc giấy, đồng thời trả đủ tiền cho chị X, sau đó Đ còn mượn lại giấy nợ để chứng minh cho D, C gì đó, để được mượn tiền gì đó…". Tại biên bản ghi lời khai ngày 04/8/2022 thì ông Â trình bày: "…Vào khoản 14 giờ 00, cùng ngày thì có một người phụ nữ chở bà X về, thì bà X có nói cho tôi biết là Đ trả 1,1 tỷ đồng, còn nợ 600.000.000

đồng, nghe 2 bên nói là hẹn với bà X khoảng 05 ngày sau Đ chuộc giấy, đồng thời trả đủ tiền lại cho bà X và Đ có mượn biên nhận của bà X để chứng minh cho D, C gì đó…". Như vậy, lời khai của ông Â thiếu nhất quán khi trình bày Đ chở bà X về, khi trình bày thấy một người phụ nữ chở bà X về…và ông Â chỉ nghe bà X nói là Đ trả 1,1 tỷ đồng, còn nợ 600.000.000 đồng. Đồng thời, ông Â có trực tiếp xem biên nhận 1,7 tỷ đồng bà X cho bà Đ mượn lại hay không, thì lời khai của ông Â không thể hiện. Tòa án cấp phúc thẩm, có Quyết định số 109/QĐ-UTTA ngày 27/7/2023, Quyết định ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Tam Nông thu thập chứng cứ đối với ông Nguyễn Văn Â. Tuy nhiên, hiện ông Â bị bệnh đột quỵ, nhồi máu não, tăng huyết áp…rối loạn ngôn ngữ...Đồng thời, theo bà X số tiền vay của bà N, thì bà X cho ông Â vay lại, hiện ông Â chưa trả xong nợ cho bà X, nên lời khai của ông Â chưa đảm bảo khách quan. Ngoài ra, bà X không có chứng cứ nào khác chứng minh chị Đ có vay 1,7 tỷ đồng của bà X, nên chưa đủ căn cứ xác định bà Đ có vay của bà X 1,7 tỷ đồng. Bà X kháng cáo yêu cầu bà Đ trả 1.150.000.000 đồng và lãi là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà X.

Xét kháng cáo của bà Đ không đồng ý liên đới trả cho bà X số tiền 550.000.000 đồng. Xét thấy, bà Đ thừa nhận biên nhận ngày 19/8/2020 là do bà Đ viết và ký tên, việc bà Đ viết biên nhận và ký tên là hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc. Theo nội dung biên nhận: "…đồng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ là con nuôi của tôi là bà Phùng Thị Đ, người liên đới chịu trách nhiệm trả tiền cho N: Phùng Thị Đ". Vì thế, bà X yêu cầu bà Đ chịu trách nhiệm trả 50% số tiền vay là 550.000.000 đồng và lãi. Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị Đ trả 550.000.000 đồng và lãi là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Đ.

Xét kháng cáo của ông H không đồng ý liên đới cùng bà X trả cho chị N 1,1 tỷ đồng. Xét thấy, về phía bà X là người vay tiền của bà N và có thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N. Bà X xác định 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng là tài sản chung của vợ chồng. Đồng thời, hiện nay ông H và bà X vẫn còn là vợ chồng, số tiền vay của bà N, thì bà X cho ông Â vay lại mục đích cũng là phục vụ kinh tế gia đình. Vì thế, ông H kháng cáo không đồng ý liên đới cùng bà X trả cho bà N số tiền 1,1 tỷ đồng và lãi là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phúc thẩm là không chấp nhận kháng cáo của bà X, ông H, bà Đ là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[8] Về án phí: Bà Võ Thị X và ông Cổ Văn H là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp án phí, theo quy định điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa ánHội đồng xét xử phúc thẩm miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm cho bà X và ông H .

[9] Các phần khác tại phần quyết định của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 148 và khoản 1, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị X, ông Cổ Văn H và chị Phùng Thị Đ.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2022/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Thị Hồng N đối với bà Võ Thị X và ông Cổ Văn H.

Buộc bà Võ Thị X và ông Cổ Văn H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Hồng N số tiền gốc còn thiếu là 1.100.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm triệu đồng) và tiền lãi là 250.770.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 1.350.770.000 đồng (Một tỷ, ba trăm năm mươi triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thể hiện tại biên nhận nhận ngày 19/8/2020 (dương lịch) về việc thế chấp 02 (Hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc bà Lê Thị Hồng N có nghĩa vụ trả lại cho bà Võ Thị X và ông Cổ Văn H 02 (Hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Thửa đất số: 79, tờ bản đố số 85, diện tích 196,1m$^2$, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CU 531913, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS06851 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 16/01/2020, do bà Võ Thị X đứng tên và thửa đất 1003, diện tích 7.019m$^2$, thửa 924, diện tích 9.922m$^2$ cùng tờ bản đố số 5, giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số bìa K 942212, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 1124 QSDĐ/A3, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 14/3/1998 do ông Cổ Văn H đứng tên.

5. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị X về việc yêu cầu chị Phùng Thị Đ phải thực hiện nghĩa vụ liên đới.

Buộc bà Phùng Thị Đ có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị X số tiền gốc là 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu) và tiền lãi là 125.385.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 675.385.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

6. Không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị X khởi kiện yêu cầu bà Phùng Thị Đ có trách nhiệm trả cho bà X số tiền vay 1.150.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi 419.980.000 đồng (Bốn trăm mười chín triệu đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 1.569.980.000 đồng (Một tỷ, năm trăm sáu mươi chín triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng).

7. Đình chỉ yêu cầu của bà Võ Thị X về việc yêu cầu bà Lê Thị Hồng N, bà Phùng Thị Đ bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần do danh dự, nhân phẩm bị xúc phạm số tiền 14.900.000 đồng (Mười bốn triệu, chín trăm nghìn đồng).

8. Về án phí:

8.1 Bà Lê Thị Hồng N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0010241 ngày 06/01/2021. Bà Lê Thị Hồng N được nhận lại tiền tạm ứng án phí số tiền là 22.500.000 đồng (Hai mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0010467 ngày 06/10/2020 và 9.130.000 đồng (Chín triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0003659 ngày 05/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

8.2 Bà Phùng Thị Đ phải chịu 31.015.000 đồng (Ba mươi một triệu, không trăm mười lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của chị Đ 300.000 đồng theo biên lai thu số ngày được trừ vào tiền án phí. Chị Đ còn phải nộp 31.015.000 đồng, tại Chi cục Thi hành án dân dự huyện T.

8.3 Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm cho bà Võ Thị X và ông Cổ Văn H.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận***:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện Tam Nông;
- CCTHADS huyện Tam Nông;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tấn Tặng**

Xét kháng cáo của chị Đ không đồng ý trả cho bà X số tiền 550.000.000 đồng. Giấy biên nhận ngày 19/8/2020 dl, do chị Đ viết cuối biên nhận chị Đ có viết nội *dung "**Đồng chịu trách nhiệm liên đế (đới) trả nợ là con nuôi của tôi là bà Phùng Thị Đ**".* Tuy nhiên, chị N không có yêu cầu chị Đ liên đới cùng bà X trả nợ, nên bà X yêu cầu chị Đ liên đới trả 50% số tiền vay là 550.000.000 đồng và lãi. Đồng thời, bà X yêu cầu chị Đ trả 1.150.000.000 đồng.

Giấy biên nhận ngày 19/8/2020 dl, do chị Đ viết cuối biên nhận chị Đ có viết nội *dung "**Đồng chịu trách nhiệm liên đế (đới) trả nợ là con nuôi của tôi là bà Phùng Thị Đ**".* Tuy nhiên, chị N không có yêu cầu chị Đ liên đới cùng bà X trả nợ, nên bà X yêu cầu chị Đ liên đới trả 50% số tiền vay là 550.000.000 đồng và lãi. Đồng thời, bà X yêu cầu chị Đ trả 1.150.000.000 đồng.

## BÁO CÁO TRAO ĐỔI ÁN

---------:::--------

Vụ án: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm*";

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng N, sinh năm 1982.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Võ Thị X, sinh năm 1954.

2.2. Ông Cổ Văn H, sinh năm 1939.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Phùng Thị Đ, sinh năm 1982.

4. Người kháng cáo: Bà Võ Thị X, ông Cổ Văn H, chị Phùng Thị Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N trình bày:***

Vào ngày 19/8/2020 (dương lịch), chị N có cho bà X vay số tiền là 1.100.000.000đ để giải quyết chuyện gia đình, hẹn trong thời hạn 5 ngày bà X sẽ hoàn trả lại cho bà N số tiền trên. Khi vay tiền bà X có thế chấp cho chị N 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm:

+ Thửa đất số: 79, tờ bản đố số 85, diện tích 196,1m$^2$, do bà Võ Thị X đứng tên.

+ Thửa đất 1003, diện tích 7.019m$^2$, thửa 924, diện tích 9.922m$^2$ cùng tờ bản đố số 5, do Cổ Văn H đứng tên.

Bà X cam kết nếu đến hạn trả nợ mà bà X không trả lại cho chị N số tiền trên thì chị N được phép sang tên quyền sử dụng đất thế chấp qua cho chị N đứng tên.

Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà X và ông H có trách nhiệm liên đới trả cho bà N số tiền vay còn thiếu 1.100.000.000đ, yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 25/8/2020 (dương lịch) cho đến khi giải quyết xong vụ kiện và yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chị N không yêu cầu chị Đ liên đới cùng bà X, ông H trả nợ.

***- Bị đơn bà Võ Thị X, ông Cổ Văn H trình bày:***

Bà X không thừa nhận có ký tên vào biên nhận ngày 19/8/2020 (dương lịch), nhưng kết luận giám định là chữ ký của bà X thì bà Xuân c, không có ý kiến gì, nhưng thực tế thì khi chị N đưa tiền 1.100.000.000đ là đưa cho chị Đ nhận. Chị Đ nhận xong của chị N thì chị Đ trả cho bà X số tiền 1.100.000.000đ, trong số tiền chị Đ thiếu nợ bà X 1.700.000.000đ. Ông H không có ký tên và cũng không biết nên ông H không có trách nhiệm liên đới.

Đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp cho chị N, thì thực tế bà X đưa chị Đ mượn 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, để thế chấp vay tiền của chị N.

Do chị N không yêu cầu chị Đ liên đới cùng bà X trả số tiền gốc 1.100.000.000đ và lãi, nên bà X yêu cầu chị Đ phải thực hiện trách nhiệm liên đới, bà X yêu cầu bà Đ trả 50% của số tiền gốc là 1.100.00.000đ, cụ thể yêu cầu chị Đ trả số tiền 550.000.000đ và lãi yêu cầu tính lãi.

Bà X và ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị N và chị Đ có trách nhiệm trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà X yêu cầu chị Đ trả cho bà X số tiền còn nợ là 1.150.000.000đ (trong số tiền 1.700.000.000đ) và yêu cầu tính. Khi cho vay thì chị Đ có ký biên nhận 1.700.000.000đ nhưng chị Đ mượn lại biên nhận, không còn giữ biên nhận. Chứng cứ duy nhất để chứng minh chị Đ vay tiền của bà X là người làm chứng ông Nguyễn Văn Â, sinh năm 1967.

Bà X rút lại không yêu cầu chị N và chị Đ bồi thường thiệt hại về danh dự, nhâm phẩm, tinh thần số tiền là 14.900.000đ.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị Đ trình bày:***

Bà Đ không đồng ý theo yêu cầu của bà Võ Thị X. Việc chị N cho bà X vay mượn tiền gì đó không liên quan gì đến chị Đ.

Đối với yêu cầu của bà X về việc yêu cầu chị Đ có trách nhiệm trả số tiền còn nợ là 1.150.000.000đ và tiền lãi, thì chị Đ không đồng ý bởi vì chị Đ cho rằng không có vay nợ của bà X.

Đối với yêu cầu của bà X yêu cầu chị Đ phải thực hiện nghĩa vụ liên đới với bà X về việc trả tiền cho chị N. Cụ thể bà X yêu cầu chị Đ trả cho bà X số tiền 550.000.000đ theo biên nhận ngày 19/8/2020 (dương lịch) và yêu cầu tính lãi từ ngày 25/8/2020 (dương lịch) cho đến khi giải quyết xong vụ kiện theo mức lãi suất 0,83%/tháng thì chị Đ không đồng ý.

**Án sơ thẩm xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Lê Thị Hồng N.

Buộc bà Võ Thị X và ông Cổ Văn H có trách nhiệm liên đới trả cho chị Lê Thị Hồng N số tiền gốc còn thiếu là 1.100.000.000đ và lãi là 250.770.000đ, tổng cộng gốc và lãi là 1.350.770.000đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất.

Hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thể hiện tại biên nhận nhận ngày 19/8/2020 (dương lịch) về việc thế chấp 02 (Hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Buộc chị Lê Thị Hồng N có nghĩa vụ trả lại cho bà Võ Thị X và ông Cổ Văn H 02 (Hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị X về việc yêu cầu chị Phùng Thị Đ phải thực hiện nghĩa vụ liên đới.

Buộc chị Phùng Thị Đ có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị X số tiền gốc là 550.000.000đ và tiền lãi là 125.385.000đ, tổng cộng gốc và lãi là 675.385.000đ.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị X khởi kiện yêu cầu chị Phùng Thị Đ có trách nhiệm trả cho bà X số tiền vay 1.150.000.000đ và tiền lãi 419.980.000đ, tổng cộng gốc và lãi là 1.569.980.000đ.

4. Đình chỉ yêu cầu của bà Võ Thị X về việc yêu cầu chị Lê Thị Hồng N, chị Phùng Thị Đ bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần do danh dự, nhân phẩm bị xúc phạm số tiền 14.900.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21 tháng 12 năm 2022, các bị đơn bà Võ Thị X, ông Cổ Văn H và ngày 23/12/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phùng Thị Đ kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

- Bà X kháng cáo yêu cầu chị Đ trả 1.150.000.000 đồng và lãi.
- Ông H không đồng ý liên đới trả cho bà N 1.100.000.000 đồng.
- Chị Đ không đồng ý trả cho bà X số tiền 550.000.000 đồng và lãi.

**Quan điểm giải quyết vụ án của Thẩm phán.**

Ngày 19/8/2020dl, chị N có cho bà X vay số tiền 1.100.000.000 đồng, khi vay bà X có ký tên vào biên nhận và có thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà X và ông H đứng tên. Bà X không thừa nhận chữ ký trên giấy biên nhận là của bà X. Theo kết quả giám định tại Phân viện Khoa học hình sự thành phố Hồ Chí Minh và V đều xác định chữ ký trên tờ biên nhận là của bà X.

Bà X thừa nhận có nhận số tiền 1.100.000.000 đồng, nhưng bà X cho rằng chị Đ (là con nuôi) có nợ của bà X 1.700.000.000 đồng, không tiền trả, nên có cho chị Đ mượn 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp cho chị N để vay số tiền 1.100.000.000 đồng. Khi vay chị N đưa tiền cho chị Đ nhận 1.100.000.000 đồng, chị Đ trả cho bà X 1.100.000.000 đồng, còn nợ bà X 600.000.000 đồng. Chị N và chị Đ không thừa nhận là chị N cho chị Đ vay mà bà X là người trực tiếp nhận tiền vay từ chị N.

Giấy biên nhận ngày 19/8/2020 dl, do chị Đ viết cuối biên nhận chị Đ có viết nội *dung "**Đồng chịu trách nhiệm liên đế (đới) trả nợ là con nuôi của tôi là bà Phùng Thị Đ**".* Tuy nhiên, chị N không có yêu cầu chị Đ liên đới cùng bà X

trả nợ, nên bà X yêu cầu chị Đ liên đới trả 50% số tiền vay là 550.000.000 đồng và lãi. Đồng thời, bà X yêu cầu chị Đ trả 1.150.000.000 đồng.

Về kháng cáo của bà X yêu cầu chị Đ trả 1.150.000.000 đồng. Xét thấy, bà X cho rằng có cho Đ mượn 1,7 tỷ đồng có viết biên nhận, do chị Đ không có khả năng trả nợ, nên ngày 19/8/2020 Đ mượn 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà X và ông H thế chấp vay tiền và mượn lại biên nhận nợ số tiền 1,7 tỷ đồng có ông Nguyễn Văn Â chứng kiến. Ông Nguyễn Văn Â trình bày có chứng kiến việc Đ mượn 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và mượn lại biên nhận 1,7 tỷ đồng của bà X. Tuy nhiên, ông Â trình bày chỉ nghe bà X nói là Đ trả 1,1 tỷ đồng, còn nợ 600.000.000 đồng. Ngoài ra, bà X không có chứng cứ nào khác chứng minh chị Đ có vay 1,7 tỷ đồng của bà X, nên chưa đủ căn cứ xác định chị Đ có vay của bà X 1,7 tỷ đồng, nên không chấp nhận kháng cáo của bà X.

Về kháng cáo của chị Đ không đồng ý trả cho bà X số tiền 550.000.000 đồng. Chị Đ thừa nhận biên nhận ngày 19/8/2020 là do chị Đ viết có nội dung là chị Đ đồng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ là con nuôi của tôi là bà Phùng Thị Đ. Án sơ thẩm xử buộc bà X và ông H trả cho chị N số tiền 1,1 tỷ đồng và lãi, nhưng do chị N không có yêu cầu chị Đ liên đới trả nợ cho chị N, nên bà X yêu cầu chị Đ liên đới trả cho bà X 50% số tiền vay là 550.000.000 đồng và lãi. Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị Đ trả 550.000.000 đồng là chưa phù hợp quy định của pháp luật bởi vì: Bà X là người vay tiền và sử dụng tiền vay, nên bà X phải chịu trách nhiệm trả nợ cho chị N. Do chị Đ có cam kết đồng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ với bà X, nhưng bà X chỉ yêu cầu chị Đ liên đới trả 550.000.000 đồng, nên chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Đ, buộc chị Đ liên đới cùng bà X trả cho chị N 550.000.000 đồng.

Về kháng cáo của ông H không đồng ý liên đới cùng bà X trả cho chị N 1,1 tỷ đồng. Xét thấy, về phía bà X là người vay tiền của chị N và có thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị N. Bà X xác định 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng là tài sản chưa của vợ chồng. Đồng thời, hiện nay ông H và bà X vẫn còn là vợ chồng, số tiền vay của chị N, thì bà X cho ông Â vay lại mục đích cũng là phục vụ kinh tế gia đình. Vì thề ông H kháng cáo không đồng ý liên đới cùng bà X trả cho chị Đ số tiền 1,1 tỷ đồng là không có căn cứ, nên không chấp nhận kháng cáo của ông H.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023

TP T